

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI LẠI (CẤP MỚI) NGÀY THI 22/5/2026
Trường hợp thi lại 01 môn (Kiến thức cơ sở hoặc Kiến thức chuyên môn)
(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD-HĐT ngày tháng 5 năm 2026)

Lưu ý: Thí sinh có mặt tại Phòng thi trước giờ thi 30 phút

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi	Môn thi
Phòng 001 - Ca thi: 09 giờ 30 - 11 giờ 30						
1	HCM.26.1.CM0041	Nguyễn Thị Trường An	26/11/1988	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
2	HCM.26.1.CM0049	Nguyễn Thị Vân Anh	19/03/1990	TP. Hải Phòng	Phòng 001	KTCS
3	HCM.26.1.CM0061	Nguyễn Thị Duyên Anh	13/04/2001	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
4	HCM.26.1.CM0071	Võ Hồng Anh	27/09/2002	Lâm Đồng	Phòng 001	KTCS
5	HCM.26.1.CM0084	Dương Thị Quỳnh Anh	20/04/1984	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
6	HCM.26.1.CM0088	Hoàng Anh	02/12/1994	Quảng Ngãi	Phòng 001	KTCS
7	HCM.26.1.CM0097	Nguyễn Đình Bảo Anh	21/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
8	HCM.26.1.CM0109	Nguyễn Phương Anh	30/01/2005	Thanh Hóa	Phòng 001	KTCS
9	HCM.26.1.CM0115	Nguyễn Thị Lan Anh	15/06/1995	Quảng Trị	Phòng 001	KTCS
10	HCM.26.1.CM0117	Nguyễn Thị Trâm Anh	29/08/1996	Ninh Bình	Phòng 001	KTCS
11	HCM.26.1.CM0145	Vũ Thị Ngọc Anh	16/05/1997	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
12	HCM.26.1.CM0160	Nguyễn Nam Anh	03/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
13	HCM.26.1.CM0162	Nguyễn Thị Kim Anh	02/05/1991	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
14	HCM.26.1.CM0163	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/07/1998	Bắc Ninh	Phòng 001	KTCS
15	HCM.26.1.CM0172	Phạm Mỹ Anh	25/06/1985	An Giang	Phòng 001	KTCS
16	HCM.26.1.CM0191	Trần Thị Nhật Ánh	27/09/1994	TP. Huế	Phòng 001	KTCS
17	HCM.26.1.CM0205	Nguyễn Thị Thiên Ân	01/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
18	HCM.26.1.CM0218	Nguyễn Thị Thuý Ân	22/06/2004	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
19	HCM.26.1.CM0250	Lương Gia Bảo	31/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
20	HCM.26.1.CM0253	Trần Quốc Bảo	08/08/1997	An Giang	Phòng 001	KTCS
21	HCM.26.1.CM0256	Hồ Hoài Bảo	24/02/1998	TP. Đà Nẵng	Phòng 001	KTCS
22	HCM.26.1.CM0278	Châu Ngọc Bích	27/01/1989	Cà Mau	Phòng 001	KTCS
23	HCM.26.1.CM0312	Nguyễn Thanh Bình	10/08/2000	Gia Lai	Phòng 001	KTCS
24	HCM.26.1.CM0313	Nguyễn Văn Bình	28/05/2000	Gia Lai	Phòng 001	KTCS
25	HCM.26.1.CM0372	Lương Thị Kim Chi	22/06/1985	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
26	HCM.26.1.CM0380	Nguyễn Thị Bích Chi	04/12/1991	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
27	HCM.26.1.CM0398	Lương Thành Chiêu	14/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
28	HCM.26.1.CM0400	Nguyễn Thị Chiêu	03/12/1986	Ninh Bình	Phòng 001	KTCS
29	HCM.26.1.CM0402	Nguyễn Thị Kiều Chinh	22/09/1983	Vĩnh Long	Phòng 001	KTCS
30	HCM.26.1.CM0407	Tô Công Chính	06/08/1996	Khánh Hòa	Phòng 001	KTCS
31	HCM.26.1.CM0422	Hoàng Văn Chuyên	10/09/1990	Hà Tĩnh	Phòng 001	KTCS
32	HCM.26.1.CM0433	Hồ Văn Chương	25/11/1984	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
33	HCM.26.1.CM0475	Nguyễn Văn Cường	01/08/1988	Hung Yên	Phòng 001	KTCS
34	HCM.26.1.CM0478	Trần Quốc Cường	08/05/1994	Vĩnh Long	Phòng 001	KTCS

35	HCM.26.1.CM0504	Dương Huỳnh Thành Danh	04/07/2006	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
36	HCM.26.1.CM0507	Phạm Sơn Danh	13/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
Phòng 001 - Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
37	HCM.26.1.CM0521	Lương Thị Diễm	08/05/1993	Gia Lai	Phòng 001	KTCS
38	HCM.26.1.CM0543	Đinh Khánh Diệu	20/03/1990	TP. Huế	Phòng 001	KTCS
39	HCM.26.1.CM0547	Phạm Thanh Diệu	13/10/1986	Vĩnh Long	Phòng 001	KTCS
40	HCM.26.1.CM0549	Vũ Thị Diệu	26/06/1991	Thanh Hóa	Phòng 001	KTCS
41	HCM.26.1.CM0558	Nguyễn Nguyên Du	18/08/2003	Lâm Đồng	Phòng 001	KTCS
42	HCM.26.1.CM0565	Đỗ Thị Dung	10/10/1990	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
43	HCM.26.1.CM0570	Nguyễn Thị Dung	10/10/1993	Thanh Hóa	Phòng 001	KTCS
44	HCM.26.1.CM0583	Lê Thị Kim Dung	26/07/1987	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
45	HCM.26.1.CM0585	Nguyễn Thị Dung	15/06/1992	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
46	HCM.26.1.CM0588	Nguyễn Thị Mỹ Dung	23/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
47	HCM.26.1.CM0603	Phạm Thị Thuý Dung	04/03/1990	Quảng Ngãi	Phòng 001	KTCS
48	HCM.26.1.CM0604	Phạm Thị Thùy Dung	30/04/2000	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
49	HCM.26.1.CM0612	Mai Văn Dũng	04/10/1987	Thanh Hóa	Phòng 001	KTCS
50	HCM.26.1.CM0617	Bùi Tiến Dũng	28/07/1987	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
51	HCM.26.1.CM0623	Nguyễn Duy Dũng	22/07/1979	TP. Hà Nội	Phòng 001	KTCS
52	HCM.26.1.CM0632	Trần Minh Dũng	10/03/1994	Lâm Đồng	Phòng 001	KTCS
53	HCM.26.1.CM0638	Đinh Lê Dũng	15/03/1990	Bắc Ninh	Phòng 001	KTCS
54	HCM.26.1.CM0648	Trần Quốc Dũng	17/04/1990	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
55	HCM.26.1.CM0649	Vũ Việt Dũng	26/01/1993	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
56	HCM.26.1.CM0654	Huỳnh Trường Duy	15/06/1997	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
57	HCM.26.1.CM0658	Nguyễn Văn Duy	24/01/1997	Vĩnh Long	Phòng 001	KTCS
58	HCM.26.1.CM0661	Văn Minh Duy	29/08/1996	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
59	HCM.26.1.CM0697	Trần Ngọc Duy	18/01/1989	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
60	HCM.26.1.CM0709	Nguyễn Lê Mỹ Duyên	03/08/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
61	HCM.26.1.CM0718	Nguyễn Thị Duyên	18/08/1990	Lâm Đồng	Phòng 001	KTCS
62	HCM.26.1.CM0741	Nguyễn Thị Thuý Dương	23/12/1996	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
63	HCM.26.1.CM0749	Vũ Thị Quỳnh Dương	27/04/1982	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
64	HCM.26.1.CM0762	Phạm Phan Minh Dương	09/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
65	HCM.26.1.CM0781	Vũ Quốc Đại	10/05/1991	Đồng Nai	Phòng 001	KTCS
66	HCM.26.1.CM0797	Nguyễn Thị Kim Đào	15/02/2003	Tây Ninh	Phòng 001	KTCS
67	HCM.26.1.CM0808	Mai Thành Đạt	28/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
68	HCM.26.1.CM0816	Huỳnh Quang Đạt	09/06/1995	Vĩnh Long	Phòng 001	KTCS
69	HCM.26.1.CM0832	Nguyễn Triệu Đạt	28/08/1997	Ninh Bình	Phòng 001	KTCS
70	HCM.26.1.CM0850	Ngô Anh Đạt	23/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 001	KTCS
71	HCM.26.1.CM0869	Đỗ Công Đặng	01/12/1992	Ninh Bình	Phòng 001	KTCS
72	HCM.26.1.CM0871	Lê Xuân Đề	18/09/1988	Đắk Lắk	Phòng 001	KTCS
Phòng 002 - Ca thi: 07 giờ 30 - 09 giờ 30						
73	HCM.26.1.CM0875	Hà Thanh Duy Điền	01/02/2002	Tây Ninh	Phòng 002	KTCS
74	HCM.26.1.CM0883	Trương Hoàng Điệp	20/01/1979	An Giang	Phòng 002	KTCS
75	HCM.26.1.CM0901	Đào Ngọc Đô	25/05/1999	Ninh Bình	Phòng 002	KTCS
76	HCM.26.1.CM0902	Lê Anh Đỗ	28/06/1963	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
77	HCM.26.1.CM0922	Đặng Minh Đức	12/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
78	HCM.26.1.CM0941	Nguyễn Minh Đức	01/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS

79	HCM.26.1.CM0968	Đinh Hùng Em	05/09/1990	Cà Mau	Phòng 002	KTCS
80	HCM.26.1.CM0973	Hong Ji Eon	30/05/1970	Hàn Quốc	Phòng 002	KTCS
81	HCM.26.1.CM0977	Nguyễn Văn Giai	19/02/1964	TP. Đà Nẵng	Phòng 002	KTCS
82	HCM.26.1.CM0986	Nguyễn Trường Giang	09/10/2004	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
83	HCM.26.1.CM0992	Lê Thị Thu Giang	11/11/1980	Tuyên Quang	Phòng 002	KTCS
84	HCM.26.1.CM1001	Nguyễn Xuân Giang	05/10/1992	An Giang	Phòng 002	KTCS
85	HCM.26.1.CM1016	Vũ Lê Giang	02/01/1991	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
86	HCM.26.1.CM1023	Phạm Nguyễn Trường Giao	15/11/1998	Lâm Đồng	Phòng 002	KTCS
87	HCM.26.1.CM1031	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	09/03/1986	Bình Dương	Phòng 002	KTCS
88	HCM.26.1.CM1042	Lê Thị Cẩm Hà	08/03/2001	Khánh Hòa	Phòng 002	KTCS
89	HCM.26.1.CM1048	Nguyễn Thị Thu Hà	01/04/1975	TP. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
90	HCM.26.1.CM1060	Nguyễn Thị Thuý Hà	17/07/1989	Tp. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
91	HCM.26.1.CM1081	Vương Thị Thanh Hà	26/06/1989	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
92	HCM.26.1.CM1091	Đỗ Như Hải	25/03/1977	TP. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
93	HCM.26.1.CM1099	Đỗ Hồng Hải	29/08/1979	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
94	HCM.26.1.CM1112	Nguyễn Thanh Hải	15/06/1980	Khánh Hòa	Phòng 002	KTCS
95	HCM.26.1.CM1180	Phan Hoàng Hào	30/01/1996	TP. Đà Nẵng	Phòng 002	KTCS
96	HCM.26.1.CM1183	Phạm Thị Hào	16/02/1990	Hung Yên	Phòng 002	KTCS
97	HCM.26.1.CM1200	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/12/1992	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
98	HCM.26.1.CM1223	Hồ Thị Hằng	11/04/1994	Hà Tĩnh	Phòng 002	KTCS
99	HCM.26.1.CM1264	Châu Hồng Hậu	01/08/1992	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
100	HCM.26.1.CM1266	Huỳnh Phúc Hậu	10/02/1996	An Giang	Phòng 002	KTCS
101	HCM.26.1.CM1267	Ngô Khánh Hậu	24/11/1991	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
102	HCM.26.1.CM1270	Phạm Đình Hậu	05/08/1992	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
103	HCM.26.1.CM1287	Nguyễn Thu Hiền	02/01/1986	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
104	HCM.26.1.CM1294	Đinh Thị Hiền	06/08/1995	Nghệ An	Phòng 002	KTCS
105	HCM.26.1.CM1295	Hồ Thị Thu Hiền	28/02/2000	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
106	HCM.26.1.CM1299	Lê Thị Thu Hiền	02/06/1988	Cà Mau	Phòng 002	KTCS
107	HCM.26.1.CM1310	Phạm Ngọc Hiền	30/04/1990	An Giang	Phòng 002	KTCS
108	HCM.26.1.CM1315	Trần Thị Tố Hiền	27/03/1994	Quảng Trị	Phòng 002	KTCS
Phòng 002 - Ca thi: 09 giờ 30 - 11 giờ 30						
109	HCM.26.1.CM1318	Nguyễn Đức Hiền	20/10/1992	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
110	HCM.26.1.CM1319	Nguyễn Thị Hiền	04/04/1991	Lâm Đồng	Phòng 002	KTCS
111	HCM.26.1.CM1328	Trần Thị Hiền	29/09/1991	Đắk Lắk	Phòng 002	KTCS
112	HCM.26.1.CM1332	Văn Thị Hiền	09/05/1993	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
113	HCM.26.1.CM1339	Trần Văn Hiền	01/01/1994	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
114	HCM.26.1.CM1341	Cóng Mạnh Hiền	09/04/1991	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
115	HCM.26.1.CM1345	Bùi Mạnh Hiệp	12/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
116	HCM.26.1.CM1351	Trần Thế Hiệp	20/09/1990	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
117	HCM.26.1.CM1367	Vưu Thị Minh Hiếu	01/04/1984	Cà Mau	Phòng 002	KTCS
118	HCM.26.1.CM1419	Diệp Màu Hín	22/08/1991	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
119	HCM.26.1.CM1421	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	05/04/1988	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
120	HCM.26.1.CM1431	Phạm Hoàng Kim Hoa	01/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
121	HCM.26.1.CM1459	Trần Truyền Hòa	16/02/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
122	HCM.26.1.CM1486	Lê Nguyễn Khai Hoàn	24/09/1982	TP. Đà Nẵng	Phòng 002	KTCS
123	HCM.26.1.CM1487	Trần Ngọc Hoàn	06/01/1979	Ninh Bình	Phòng 002	KTCS

124	HCM.26.1.CM1489	Hoàng Thị Hoàn	20/09/1986	Tuyên Quang	Phòng 002	KTCS
125	HCM.26.1.CM1498	Trần Mạnh Hoàng	18/11/1985	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
126	HCM.26.1.CM1499	Trịnh Minh Hoàng	01/07/1968	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
127	HCM.26.1.CM1504	Dương Tấn Hoàng	02/11/1984	Quảng Ngãi	Phòng 002	KTCS
128	HCM.26.1.CM1506	Huỳnh Minh Hoàng	01/05/1988	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
129	HCM.26.1.CM1517	Phạm Huy Hoàng	26/06/1993	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
130	HCM.26.1.CM1533	Trương Văn Hoàng	23/08/1990	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
131	HCM.26.1.CM1534	Vưu Thị Minh Hoàng	10/04/1987	Cà Mau	Phòng 002	KTCS
132	HCM.26.1.CM1540	Mai Văn Học	02/08/1985	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
133	HCM.26.1.CM1546	Nguyễn Văn Hội	14/04/1983	Tây Ninh	Phòng 002	KTCS
134	HCM.26.1.CM1547	Nguyễn Thị Lam Hồng	05/05/1980	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
135	HCM.26.1.CM1570	Hoàng Đình Hợp	05/09/1991	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
136	HCM.26.1.CM1588	Mai Thị Huệ	10/01/1988	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
137	HCM.26.1.CM1593	Nguyễn Thị Huệ	08/03/1989	Hà Tĩnh	Phòng 002	KTCS
138	HCM.26.1.CM1606	Lê Văn Hùng	20/08/2002	Khánh Hòa	Phòng 002	KTCS
139	HCM.26.1.CM1608	Trần Ngọc Hùng	20/12/1983	Lâm Đồng	Phòng 002	KTCS
140	HCM.26.1.CM1651	Lê Thanh Huy	18/04/1995	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
141	HCM.26.1.CM1699	Bùi Thị Thanh Huyền	31/05/2006	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
142	HCM.26.1.CM1717	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/09/1995	Tây Ninh	Phòng 002	KTCS
143	HCM.26.1.CM1743	Nguyễn Thị Hưng	22/08/1985	Phú Thọ	Phòng 002	KTCS
144	HCM.26.1.CM1749	Nguyễn Mạnh Hưng	23/03/1992	Quảng Ngãi	Phòng 002	KTCS
Phòng 002 - Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
145	HCM.26.1.CM1759	Hứa Như Hưng	09/05/2003	TP. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
146	HCM.26.1.CM1762	Lê Quang Hưng	07/03/2005	Quảng Trị	Phòng 002	KTCS
147	HCM.26.1.CM1765	Thái Văn Hưng	24/09/1989	Nghệ An	Phòng 002	KTCS
148	HCM.26.1.CM1788	Lê Thị Xuân Hương	05/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
149	HCM.26.1.CM1794	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/01/1997	Thành Phố Huế	Phòng 002	KTCS
150	HCM.26.1.CM1802	Trần Thị Hương	26/01/1988	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
151	HCM.26.1.CM1811	Nguyễn Thị Lan Hương	06/01/1976	TP. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
152	HCM.26.1.CM1812	Trần Thị Hương	09/03/1987	Nghệ An	Phòng 002	KTCS
153	HCM.26.1.CM1814	Trần Thị Song Hương	22/10/2003	Đồng Tháp	Phòng 002	KTCS
154	HCM.26.1.CM1822	Nguyễn Dương Hữu	16/01/1999	TP. Hà Nội	Phòng 002	KTCS
155	HCM.26.1.CM1823	Hoàng Văn Hữu	05/02/1982	Quảng Trị	Phòng 002	KTCS
156	HCM.26.1.CM1848	Thái Hoàng Khải	07/11/1977	Khánh Hòa	Phòng 002	KTCS
157	HCM.26.1.CM1862	Phạm Công Khang	19/11/1987	Hung Yên	Phòng 002	KTCS
158	HCM.26.1.CM1882	Lê Thủy Mỹ Khanh	23/12/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
159	HCM.26.1.CM1920	Nguyễn Sin Khoa	09/08/1998	An Giang	Phòng 002	KTCS
160	HCM.26.1.CM1934	Nguyễn Đăng Minh Khoa	28/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
161	HCM.26.1.CM1955	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	10/12/1996	Khánh Hòa	Phòng 002	KTCS
162	HCM.26.1.CM1974	Trần Văn Kiên	11/09/1989	Nghệ An	Phòng 002	KTCS
163	HCM.26.1.CM2045	Nguyễn Văn Lam	19/05/1983	Nghệ An	Phòng 002	KTCS
164	HCM.26.1.CM2087	Hà Văn Lâm	20/02/1992	Gia Lai	Phòng 002	KTCS
165	HCM.26.1.CM2118	Trần Thị Lệ	21/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
166	HCM.26.1.CM2131	Nguyễn Thị Thanh Liêm	19/05/1976	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
167	HCM.26.1.CM2141	Nguyễn Thị Liên	06/07/1989	Lâm Đồng	Phòng 002	KTCS
168	HCM.26.1.CM2146	Lê Thị Phương Liên	16/10/1985	Hung Yên	Phòng 002	KTCS

169	HCM.26.1.CM2152	Đoàn Thị Liễu	23/11/1979	TP. Hải Phòng	Phòng 002	KTCS
170	HCM.26.1.CM2213	Ninh Thế Linh	22/01/1986	Bắc Ninh	Phòng 002	KTCS
171	HCM.26.1.CM2298	Trần Phi Long	04/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
172	HCM.26.1.CM2322	Tô Giang Bảo Long	03/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
173	HCM.26.1.CM2343	Hoàng Đức Lộc	31/08/2003	Quảng Trị	Phòng 002	KTCS
174	HCM.26.1.CM2344	Lê Huỳnh Bá Lộc	13/08/1998	Cà Mau	Phòng 002	KTCS
175	HCM.26.1.CM2354	Lê Phúc Lộc	09/02/1990	Vĩnh Long	Phòng 002	KTCS
176	HCM.26.1.CM2356	Nguyễn Phú Lộc	21/02/1993	TP. Đà Nẵng	Phòng 002	KTCS
177	HCM.26.1.CM2362	Lê Văn Lợi	17/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 002	KTCS
178	HCM.26.1.CM2389	Lê Đình Luân	18/02/1989	Thanh Hóa	Phòng 002	KTCS
179	HCM.26.1.CM2452	Đỗ Minh Hải Lý	24/04/1983	Đồng Nai	Phòng 002	KTCS
180	HCM.26.1.CM2480	Lê Thị Ngọc Mai	16/03/2003	Vĩnh Long	Phòng 002	KTCS
Phòng 003- Ca thi: 07 giờ 30 - 09 giờ 30						
181	HCM.26.1.CM2497	Phạm Thị Ngọc Mai	22/08/1980	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
182	HCM.26.1.CM2559	Trần Kiến Minh	18/02/1985	Vĩnh Long	Phòng 003	KTCS
183	HCM.26.1.CM2567	Dương Hoàng Minh	20/04/1999	Tây Ninh	Phòng 003	KTCS
184	HCM.26.1.CM2573	Trần Đức Minh	10/05/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
185	HCM.26.1.CM2581	Hồ Thị Diễm My	04/08/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
186	HCM.26.1.CM2582	Nguyễn Hoàng My	26/08/1990	Nghệ An	Phòng 003	KTCS
187	HCM.26.1.CM2585	Huỳnh Thị Trà My	28/03/2000	Tây Ninh	Phòng 003	KTCS
188	HCM.26.1.CM2629	Đình Đức Nam	24/10/2004	Ninh Bình	Phòng 003	KTCS
189	HCM.26.1.CM2700	Nguyễn Thị Nga	04/05/1993	Hà Tĩnh	Phòng 003	KTCS
190	HCM.26.1.CM2732	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	17/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
191	HCM.26.1.CM2735	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/02/1995	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
192	HCM.26.1.CM2739	Trần Thị Kim Ngân	07/09/1985	Khánh Hòa	Phòng 003	KTCS
193	HCM.26.1.CM2740	Trần Thị Thu Ngân	21/05/1988	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
194	HCM.26.1.CM2760	Võ Thị Hồng Ngân	01/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
195	HCM.26.1.CM2766	Châu Bửu Nghi	13/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
196	HCM.26.1.CM2778	Trần Quang Nghĩa	06/04/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
197	HCM.26.1.CM2809	Tăng Thế Ngọc	05/12/2001	Tây Ninh	Phòng 003	KTCS
198	HCM.26.1.CM2820	Bùi Bảo Ngọc	28/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
199	HCM.26.1.CM2852	Lê Thị Bảo Ngọc	19/07/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
200	HCM.26.1.CM2859	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	04/08/1983	Tây Ninh	Phòng 003	KTCS
201	HCM.26.1.CM2899	Ngô Vũ Nguyên	01/01/1991	Đắk Lắk	Phòng 003	KTCS
202	HCM.26.1.CM2927	Phạm Ngọc Nhã	20/12/1969	TP. Hải Phòng	Phòng 003	KTCS
203	HCM.26.1.CM2943	Đỗ Thị Nhân	01/02/2001	Ninh Bình	Phòng 003	KTCS
204	HCM.26.1.CM2957	Bùi Qui Nhân	01/01/1999	Cà Mau	Phòng 003	KTCS
205	HCM.26.1.CM2980	Nguyễn Thành Nhân	06/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
206	HCM.26.1.CM3020	Phan Thị Yên Nhi	18/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
207	HCM.26.1.CM3039	Ba Bi Ny Tuyết Nhi	27/08/1995	An Giang	Phòng 003	KTCS
208	HCM.26.1.CM3043	Hà Ngọc Nhi	14/05/1994	Đắk Lắk	Phòng 003	KTCS
209	HCM.26.1.CM3047	Nguyễn Hữu Nhi	18/05/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
210	HCM.26.1.CM3057	Vũ Thảo Nhi	28/10/1997	TP. Hà Nội	Phòng 003	KTCS
211	HCM.26.1.CM3068	Nguyễn Thị Minh Nhung	01/07/1996	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
212	HCM.26.1.CM3101	Lương Quỳnh Như	20/09/1997	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
213	HCM.26.1.CM3112	Lê Khoa Khắc Như	11/04/1997	Vĩnh Long	Phòng 003	KTCS

214	HCM.26.1.CM3122	Phan Thị Quỳnh Như	30/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
215	HCM.26.1.CM3127	Phan Ngọc Quỳnh Như	14/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
216	HCM.26.1.CM3128	Trần Thị Huỳnh Như	10/10/2000	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
Phòng 003- Ca thi: 09giờ 30 - 11giờ 30						
217	HCM.26.1.CM3140	Lê Thị Hằng Ni	29/06/2001	Cà Mau	Phòng 003	KTCS
218	HCM.26.1.CM3144	Nguyễn Đăng Ninh	19/03/1985	Đắk Lắk	Phòng 003	KTCS
219	HCM.26.1.CM3156	Lê Huỳnh Nương	01/07/2000	An Giang	Phòng 003	KTCS
220	HCM.26.1.CM3178	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/10/1986	Nghệ An	Phòng 003	KTCS
221	HCM.26.1.CM3179	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/11/1982	Hung Yên	Phòng 003	KTCS
222	HCM.26.1.CM3189	Trương Gia Oanh	22/03/2006	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
223	HCM.26.1.CM3203	Nguyễn Văn Pháp	24/05/1989	Lâm Đồng	Phòng 003	KTCS
224	HCM.26.1.CM3204	Trịnh Minh Pháp	05/06/1988	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
225	HCM.26.1.CM3210	Lý Gia Phát	19/10/2004	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
226	HCM.26.1.CM3215	Võ Lê Thị Ngân Phát	11/12/1995	Đắk Lắk	Phòng 003	KTCS
227	HCM.26.1.CM3228	Hồ Ngọc Phi	22/02/1998	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
228	HCM.26.1.CM3239	Phạm Thanh Phong	13/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
229	HCM.26.1.CM3256	Trần Thanh Phong	10/10/1980	Hà Tĩnh	Phòng 003	KTCS
230	HCM.26.1.CM3268	Võ Văn Phong	03/07/1994	Quảng Trị	Phòng 003	KTCS
231	HCM.26.1.CM3270	Nguyễn Văn Phú	28/09/1989	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
232	HCM.26.1.CM3273	Đỗ Thị Hồng Phú	20/04/1987	Quảng Trị	Phòng 003	KTCS
233	HCM.26.1.CM3280	Nguyễn Thị Thịnh Phú	26/06/1991	An Giang	Phòng 003	KTCS
234	HCM.26.1.CM3282	Phạm Văn Phú	03/09/1999	An Giang	Phòng 003	KTCS
235	HCM.26.1.CM3287	Nguyễn Quốc Phú	15/10/1998	Lâm Đồng	Phòng 003	KTCS
236	HCM.26.1.CM3319	Nguyễn Ngọc Phúc	10/09/1996	Vĩnh Long	Phòng 003	KTCS
237	HCM.26.1.CM3320	Nguyễn Quang Phúc	30/08/1984	Khánh Hòa	Phòng 003	KTCS
238	HCM.26.1.CM3332	Nguyễn Thị Kim Phụng	19/05/2000	An Giang	Phòng 003	KTCS
239	HCM.26.1.CM3333	Trần Đức Phụng	10/10/1998	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
240	HCM.26.1.CM3338	Nim Sỏi Phụng	13/01/2002	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
241	HCM.26.1.CM3345	Bùi Việt Phước	02/11/2003	Lâm Đồng	Phòng 003	KTCS
242	HCM.26.1.CM3356	Nguyễn Văn Phước	14/12/1990	TP. Huế	Phòng 003	KTCS
243	HCM.26.1.CM3372	Cáp Thị Nhật Phương	10/01/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
244	HCM.26.1.CM3389	Nguyễn Hữu Hoàng Phương	10/08/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
245	HCM.26.1.CM3395	Nguyễn Văn Phương	25/11/1995	Bắc Ninh	Phòng 003	KTCS
246	HCM.26.1.CM3411	Hồng Võ Xuân Phương	01/02/1995	Khánh Hòa	Phòng 003	KTCS
247	HCM.26.1.CM3429	Phạm Thị Tâm Phương	25/01/1986	Cà Mau	Phòng 003	KTCS
248	HCM.26.1.CM3447	Nguyễn Thị Phượng	10/02/1987	Thanh Hóa	Phòng 003	KTCS
249	HCM.26.1.CM3451	Đỗ Hoa Phượng	08/04/1986	Thanh Hóa	Phòng 003	KTCS
250	HCM.26.1.CM3456	Lương Thị Phượng	08/01/1998	Hung Yên	Phòng 003	KTCS
251	HCM.26.1.CM3492	Nguyễn Văn Quang	02/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
252	HCM.26.1.CM3518	Nguyễn Hồng Quân	10/10/1989	Hà Tĩnh	Phòng 003	KTCS
Phòng 003- Ca thi: 12giờ 30 - 14giờ 30						
253	HCM.26.1.CM3520	Nguyễn Văn Quân	05/11/1982	Ninh Bình	Phòng 003	KTCS
254	HCM.26.1.CM3522	Võ Hoàng Quân	07/11/2006	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
255	HCM.26.1.CM3565	Trần Đức Quý	13/08/1993	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
256	HCM.26.1.CM3572	Trương Ngọc Quý	10/03/1996	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
257	HCM.26.1.CM3573	Nguyễn Cao Quý	24/12/1993	Khánh Hòa	Phòng 003	KTCS

258	HCM.26.1.CM3579	Ngô Ngọc Quý	01/06/1988	An Giang	Phòng 003	KTCS
259	HCM.26.1.CM3592	Trịnh Thị Bé Quyên	11/06/1986	Cà Mau	Phòng 003	KTCS
260	HCM.26.1.CM3602	Nguyễn Văn Quyên	27/02/1992	TP. Huế	Phòng 003	KTCS
261	HCM.26.1.CM3615	Đỗ Thị Như Quỳnh	22/05/2001	TP. Huế	Phòng 003	KTCS
262	HCM.26.1.CM3620	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	09/07/1981	Quảng Trị	Phòng 003	KTCS
263	HCM.26.1.CM3625	Phạm Thị Hoàng Quỳnh	20/06/2000	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
264	HCM.26.1.CM3626	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	23/04/1992	Đắk Lắk	Phòng 003	KTCS
265	HCM.26.1.CM3628	Vũ Như Quỳnh	07/07/2006	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
266	HCM.26.1.CM3638	Phạm Mỹ Riêng	29/06/2003	Cà Mau	Phòng 003	KTCS
267	HCM.26.1.CM3643	Huỳnh Phú Sang	22/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
268	HCM.26.1.CM3644	Huỳnh Quang Sang	15/09/1999	TP. Huế	Phòng 003	KTCS
269	HCM.26.1.CM3654	Phan Vũ Sang	18/02/2002	TP. Cần Thơ	Phòng 003	KTCS
270	HCM.26.1.CM3661	Quách Minh Sang	15/06/2003	TP. Cần Thơ	Phòng 003	KTCS
271	HCM.26.1.CM3680	Dương Ngọc Sinh	02/07/1991	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
272	HCM.26.1.CM3686	Lê Tấn Song	16/02/1992	An Giang	Phòng 003	KTCS
273	HCM.26.1.CM3687	Nguyễn Thị Thu Song	15/08/1986	TP. Đà Nẵng	Phòng 003	KTCS
274	HCM.26.1.CM3706	Mã Thanh Sơn	12/12/1976	Đồng Tháp	Phòng 003	KTCS
275	HCM.26.1.CM3710	Nguyễn Thanh Sơn	22/02/1985	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
276	HCM.26.1.CM3731	Lê Viết Sun	19/10/1991	TP. Huế	Phòng 003	KTCS
277	HCM.26.1.CM3745	Đình Công Sỹ	01/05/2001	Quảng Ngãi	Phòng 003	KTCS
278	HCM.26.1.CM3751	Vương Minh Tài	17/06/2003	Ninh Bình	Phòng 003	KTCS
279	HCM.26.1.CM3756	Nguyễn Phát Tài	03/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
280	HCM.26.1.CM3760	Đình Bảo Tài	17/04/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
281	HCM.26.1.CM3771	Trương Siêu Tài	03/03/1990	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
282	HCM.26.1.CM3777	Nguyễn Tấn Tài	08/07/1988	Đồng Nai	Phòng 003	KTCS
283	HCM.26.1.CM3796	Trần Xuân Tạo	28/08/1985	Quảng Ngãi	Phòng 003	KTCS
284	HCM.26.1.CM3802	Trần Hữu Tâm	09/06/2002	An Giang	Phòng 003	KTCS
285	HCM.26.1.CM3817	Nguyễn Thành Tâm	21/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
286	HCM.26.1.CM3818	Nguyễn Thành Tâm	31/08/1987	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
287	HCM.26.1.CM3819	Nguyễn Thị Kim Tâm	25/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 003	KTCS
288	HCM.26.1.CM3831	Trần Mạc Băng Tâm	04/10/1968	Gia Lai	Phòng 003	KTCS
289	HCM.26.1.CM3833	Trần Thị Tâm	21/08/1980	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
Phòng 004- Ca thi: 07 giờ 30 - 09 giờ 30						
290	HCM.26.1.CM3836	Đặng Thanh Tâm	16/02/1999	Vĩnh Long	Phòng 004	KTCS
291	HCM.26.1.CM3837	Đoàn Văn Tâm	18/01/1980	Cà Mau	Phòng 004	KTCS
292	HCM.26.1.CM3845	Nguyễn Thành Tâm	10/11/1981	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
293	HCM.26.1.CM3852	Trịnh Thị Thanh Tâm	09/01/1990	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
294	HCM.26.1.CM3855	Nguyễn Ngọc Tân	09/10/1994	Ninh Bình	Phòng 004	KTCS
295	HCM.26.1.CM3858	Nghiêm Văn Tân	27/06/1983	Thanh Hóa	Phòng 004	KTCS
296	HCM.26.1.CM3873	Phạm Ngọc Tân	06/04/1984	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
297	HCM.26.1.CM3889	Võ Đức Tấn	09/08/1994	Khánh Hòa	Phòng 004	KTCS
298	HCM.26.1.CM3890	Nguyễn Thanh Tấn	12/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
299	HCM.26.1.CM3897	Lê Thị Hồng Thạch	09/10/1984	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
300	HCM.26.1.CM3898	Phạm Đại Thạch	30/09/1989	Nghệ An	Phòng 004	KTCS
301	HCM.26.1.CM3901	Nguyễn Thị Thái	18/05/1980	Đắk Lắk	Phòng 004	KTCS
302	HCM.26.1.CM3904	Nguyễn Chí Thái	11/10/1996	Cà Mau	Phòng 004	KTCS

303	HCM.26.1.CM3909	Lý Hồng Thái	12/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
304	HCM.26.1.CM3911	Nguyễn Quốc Thái	29/07/1985	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
305	HCM.26.1.CM3926	Nguyễn Đức Thanh	01/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
306	HCM.26.1.CM3934	Phạm Thị Ngọc Thanh	25/03/1985	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
307	HCM.26.1.CM3938	Huỳnh Thị Thu Thanh	30/05/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
308	HCM.26.1.CM3939	Lâm Hà Thanh	07/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
309	HCM.26.1.CM3943	Nguyễn Chế Thanh	09/10/2000	TP. Cần Thơ	Phòng 004	KTCS
310	HCM.26.1.CM3955	Nguyễn Thị Thanh	08/05/1988	Đắk Lắk	Phòng 004	KTCS
311	HCM.26.1.CM3958	Phạm Văn Thanh	25/08/1995	An Giang	Phòng 004	KTCS
312	HCM.26.1.CM3960	Trần Nguyễn Phương Thanh	22/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
313	HCM.26.1.CM3990	Ngô Phạm Phú Thành	05/03/2003	TP. Đà Nẵng	Phòng 004	KTCS
314	HCM.26.1.CM3992	Nguyễn Minh Thành	27/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
315	HCM.26.1.CM4006	Lê Nguyễn Tuấn Thành	12/01/2002	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
316	HCM.26.1.CM4023	Thái Tiến Thành	22/04/2000	Quảng Trị	Phòng 004	KTCS
317	HCM.26.1.CM4034	Lê Nguyễn Việt Thành	28/07/1995	Đắk Lắk	Phòng 004	KTCS
318	HCM.26.1.CM4035	Lê Tấn Thành	07/01/1988	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
319	HCM.26.1.CM4053	Bùi Thạch Thảo	15/02/1997	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
320	HCM.26.1.CM4058	Lê Ngọc Phương Thảo	23/10/1995	Vĩnh Long	Phòng 004	KTCS
321	HCM.26.1.CM4069	Châu Thị Thảo	20/01/1990	Tp Đà Nẵng	Phòng 004	KTCS
322	HCM.26.1.CM4085	Nguyễn Dương Thảo	12/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
323	HCM.26.1.CM4087	Nguyễn Phương Thảo	12/04/1990	TP. Hà Nội	Phòng 004	KTCS
324	HCM.26.1.CM4092	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/08/2000	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
325	HCM.26.1.CM4106	Võ Thị Ngọc Thảo	19/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
326	HCM.26.1.CM4111	Đình Phương Thảo	16/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
Phòng 004- Ca thi: 09 giờ 30 - 11 giờ 30						
327	HCM.26.1.CM4112	Đình Thị Phương Thảo	04/11/1978	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
328	HCM.26.1.CM4114	Dương Văn Thảo	22/09/1999	TP. Cần Thơ	Phòng 004	KTCS
329	HCM.26.1.CM4118	Lâm Phương Thảo	16/02/1997	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
330	HCM.26.1.CM4140	Trần Thị Hồng Thắm	26/03/2004	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
331	HCM.26.1.CM4141	Trương Thị Hồng Thắm	24/12/2003	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
332	HCM.26.1.CM4149	Lê Thị Thắm	24/11/1988	Thanh Hóa	Phòng 004	KTCS
333	HCM.26.1.CM4153	Võ Văn Thắm	26/02/1982	TP. Đà Nẵng	Phòng 004	KTCS
334	HCM.26.1.CM4163	Nguyễn Thanh Thảng	26/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
335	HCM.26.1.CM4174	Hoàng Kim Thảng	29/11/1993	TP. Huế	Phòng 004	KTCS
336	HCM.26.1.CM4195	Phan Đình Thảng	02/08/1989	Nghệ An	Phòng 004	KTCS
337	HCM.26.1.CM4199	Nguyễn Văn Thân	11/12/1992	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
338	HCM.26.1.CM4201	Nguyễn Xuân Thép	04/11/1986	Bắc Ninh	Phòng 004	KTCS
339	HCM.26.1.CM4216	Cao Văn Thi	05/02/1993	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
340	HCM.26.1.CM4219	Nguyễn Tá Thi	06/02/1986	Bắc Ninh	Phòng 004	KTCS
341	HCM.26.1.CM4244	Hoàng Thị Thiện	08/08/1987	Nghệ An	Phòng 004	KTCS
342	HCM.26.1.CM4262	Lê Sinh Thiểu	11/08/1980	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
343	HCM.26.1.CM4293	Nguyễn Hữu Thọ	09/11/1992	TP. Cần Thơ	Phòng 004	KTCS
344	HCM.26.1.CM4300	La Thị Kim Thoa	14/05/1994	Vĩnh Long	Phòng 004	KTCS
345	HCM.26.1.CM4308	Trần Kim Thoang	20/08/1983	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
346	HCM.26.1.CM4314	Nguyễn Tài Thông	05/09/1990	Thanh Hóa	Phòng 004	KTCS
347	HCM.26.1.CM4348	La Thị Cẩm Thu	05/05/1990	Vĩnh Long	Phòng 004	KTCS

348	HCM.26.1.CM4367	Lê Anh Thuận	26/09/2006	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
349	HCM.26.1.CM4371	Hồ Ngọc Thuận	03/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
350	HCM.26.1.CM4377	Lê Chí Thuận	09/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
351	HCM.26.1.CM4380	Phùng Đức Thuật	05/12/1984	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
352	HCM.26.1.CM4392	Trần Thanh Thủy	05/01/1991	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
353	HCM.26.1.CM4393	Đình Trí Thủy	15/01/1986	Ninh Bình	Phòng 004	KTCS
354	HCM.26.1.CM4398	Lê Thị Bích Thủy	03/05/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
355	HCM.26.1.CM4410	Lương Thị Thủy	06/06/1988	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
356	HCM.26.1.CM4424	Nguyễn Hữu Minh Thủy	23/11/1992	TP. Huế	Phòng 004	KTCS
357	HCM.26.1.CM4428	Nguyễn Thị Thanh Thùy	17/10/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
358	HCM.26.1.CM4469	Đỗ Thị Thanh Thúy	27/03/1982	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
359	HCM.26.1.CM4470	Kim Thúy	24/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
360	HCM.26.1.CM4477	Trần Thị Diễm Thúy	15/10/1981	Vĩnh Long	Phòng 004	KTCS
361	HCM.26.1.CM4483	Trần Thị Ngọc Thúy	11/08/1984	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
362	HCM.26.1.CM4497	Mai Nguyễn Anh Thư	20/02/2002	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
363	HCM.26.1.CM4511	Nguyễn Thị Minh Thư	07/06/2003	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
Phòng 004- Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
364	HCM.26.1.CM4525	Trần Thị Hiếu Thư	29/03/2003	Đắk Lắk	Phòng 004	KTCS
365	HCM.26.1.CM4559	Phạm Thị Thương	01/05/1984	Hà Tĩnh	Phòng 004	KTCS
366	HCM.26.1.CM4561	Trần Thị Ngọc Thương	30/08/2000	Đắk Lắk	Phòng 004	KTCS
367	HCM.26.1.CM4563	Lê Thị Thương Thương	08/04/1996	Thanh Hóa	Phòng 004	KTCS
368	HCM.26.1.CM4564	Nguyễn Hoài Thương	04/11/1998	TP. Cần Thơ	Phòng 004	KTCS
369	HCM.26.1.CM4567	Trần Đặng Hoài Thương	03/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
370	HCM.26.1.CM4572	Lê Hoàng Linh Thy	03/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
371	HCM.26.1.CM4574	Nguyễn Đặng Yến Thy	28/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
372	HCM.26.1.CM4577	Ngân Phấn Tịch	04/10/1982	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
373	HCM.26.1.CM4592	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	05/09/2003	TP. Hải Phòng	Phòng 004	KTCS
374	HCM.26.1.CM4616	Nguyễn Thị Thanh Tiên	12/12/2002	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
375	HCM.26.1.CM4626	Vũ Thanh Tiến	14/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
376	HCM.26.1.CM4644	Diệp Vinh Tiến	05/11/2005	Cà Mau	Phòng 004	KTCS
377	HCM.26.1.CM4656	Hoàng Danh Tiệp	02/05/1982	Nghệ An	Phòng 004	KTCS
378	HCM.26.1.CM4660	Nguyễn Hữu Tín	31/01/2001	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
379	HCM.26.1.CM4663	Hoàng Tấn Tín	10/08/2000	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
380	HCM.26.1.CM4664	Huỳnh Trung Tín	05/05/2003	Đồng Tháp	Phòng 004	KTCS
381	HCM.26.1.CM4668	Nguyễn Hoàng Tín	07/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
382	HCM.26.1.CM4703	Trương Thái Toàn	14/06/1983	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
383	HCM.26.1.CM4761	Đặng Thị Huyền Trang	10/05/1984	Bắc Ninh	Phòng 004	KTCS
384	HCM.26.1.CM4782	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	13/10/1997	Thanh Hóa	Phòng 004	KTCS
385	HCM.26.1.CM4784	Nguyễn Thị Thủy Trang	09/11/2001	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
386	HCM.26.1.CM4819	Nguyễn Thị Hồng Trang	24/05/1985	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
387	HCM.26.1.CM4823	Nguyễn Thị Thu Trang	21/10/1987	Lâm Đồng	Phòng 004	KTCS
388	HCM.26.1.CM4826	Nguyễn Trịnh Huyền Trang	13/10/1998	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
389	HCM.26.1.CM4831	Trần Thị Thủy Trang	19/03/1996	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
390	HCM.26.1.CM4843	Châu Thị Quế Trâm	21/05/2000	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS
391	HCM.26.1.CM4849	Lại Đặng Ngọc Trâm	18/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
392	HCM.26.1.CM4860	Đặng Thị Bích Trâm	06/10/1994	Đồng Nai	Phòng 004	KTCS

393	HCM.26.1.CM4867	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	16/05/1972	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
394	HCM.26.1.CM4869	Quách Thị Thanh Trâm	01/06/1978	Quảng Ngãi	Phòng 004	KTCS
395	HCM.26.1.CM4890	Phan Đức Tri	20/12/1989	Nghệ An	Phòng 004	KTCS
396	HCM.26.1.CM4905	Đoàn Nguyễn Xuân Trí	13/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 004	KTCS
397	HCM.26.1.CM4910	Võ Cao Trí	10/12/1993	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
398	HCM.26.1.CM4937	Đinh Thị Trinh	03/11/1983	Gia Lai	Phòng 004	KTCS
399	HCM.26.1.CM4945	Nguyễn Thị Mai Trinh	03/01/1993	Tây Ninh	Phòng 004	KTCS
400	HCM.26.1.CM4955	Vũ Thị Tuyết Trinh	01/05/1996	Gia Lai	Phòng 005	KTCS
Phòng 005- Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
401	HCM.26.1.CM4961	Lâm Tuyết Trinh	09/07/1989	Tây Ninh	Phòng 005	KTCS
402	HCM.26.1.CM4989	Dương Quang Trọng	10/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
403	HCM.26.1.CM4992	Đặng Đức Trọng	21/04/2001	Khánh Hòa	Phòng 005	KTCS
404	HCM.26.1.CM4993	Đỗ Văn Trọng	15/08/1986	Thanh Hóa	Phòng 005	KTCS
405	HCM.26.1.CM5029	Nguyễn Đình Trung	10/02/1993	Nghệ An	Phòng 005	KTCS
406	HCM.26.1.CM5031	Nguyễn Quốc Trung	15/07/1985	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
407	HCM.26.1.CM5045	Phù Quốc Trung	20/04/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
408	HCM.26.1.CM5048	Trần Quốc Trung	08/10/1981	Vĩnh Long	Phòng 005	KTCS
409	HCM.26.1.CM5056	Nguyễn Trung Trực	12/06/1979	Lâm Đồng	Phòng 005	KTCS
410	HCM.26.1.CM5097	Nguyễn Hoài Tú	23/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
411	HCM.26.1.CM5120	Đỗ Thị Thanh Tú	01/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
412	HCM.26.1.CM5123	Ngô Văn Tuấn	13/05/2005	Gia Lai	Phòng 005	KTCS
413	HCM.26.1.CM5137	Nguyễn Ngọc Tuấn	20/07/1993	Quảng Trị	Phòng 005	KTCS
414	HCM.26.1.CM5144	Đặng Minh Tuấn	01/01/1979	Đồng Tháp	Phòng 005	KTCS
415	HCM.26.1.CM5154	Lê Văn Tuấn	18/03/1988	Hà Tĩnh	Phòng 005	KTCS
416	HCM.26.1.CM5176	Hoàng Ngọc Anh Tuấn	22/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
417	HCM.26.1.CM5210	Lục Lâm Tùng	29/09/2004	Thái Nguyên	Phòng 005	KTCS
418	HCM.26.1.CM5220	Nguyễn Lâm Nhật Tùng	01/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
419	HCM.26.1.CM5222	Nguyễn Thanh Tùng	09/04/1995	Đồng Nai	Phòng 005	KTCS
420	HCM.26.1.CM5244	Trương Kim Tuyền	24/01/1998	Tây Ninh	Phòng 005	KTCS
421	HCM.26.1.CM5245	Võ Thị Thanh Tuyền	20/10/2001	Tây Ninh	Phòng 005	KTCS
422	HCM.26.1.CM5246	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	19/12/2005	Đồng Tháp	Phòng 005	KTCS
423	HCM.26.1.CM5254	Hà Thị Bích Tuyền	01/06/1996	Vĩnh Long	Phòng 005	KTCS
424	HCM.26.1.CM5258	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	22/09/1994	Đồng Nai	Phòng 005	KTCS
425	HCM.26.1.CM5267	Trần Thị Kim Tuyền	06/01/1987	Đồng Nai	Phòng 005	KTCS
426	HCM.26.1.CM5273	Ngô Thị Tuyết	24/07/1992	Bắc Ninh	Phòng 005	KTCS
427	HCM.26.1.CM5278	Trần Thị Tuyết	16/10/1983	Đắk Lắk	Phòng 005	KTCS
428	HCM.26.1.CM5281	Lương Thị Tuyết	20/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
429	HCM.26.1.CM5318	Ngô Thị Nhã Uyên	16/04/2003	Lâm Đồng	Phòng 005	KTCS
430	HCM.26.1.CM5320	Ứng Thị Nhật Uyên	03/06/1991	Đắk Lắk	Phòng 005	KTCS
431	HCM.26.1.CM5323	Hồ Khánh Uyên	31/01/1995	Lâm Đồng	Phòng 005	KTCS
432	HCM.26.1.CM5325	Lê Thị Tú Uyên	21/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005	KTCS
433	HCM.26.1.CM5327	Nguyễn Thị Lê Uyên	13/06/1993	An Giang	Phòng 005	KTCS
434	HCM.26.1.CM5330	Phan Thị Thu Uyên	10/03/1999	Nghệ An	Phòng 005	KTCS
435	HCM.26.1.CM5332	Trần Thị Tú Uyên	08/04/2002	Đồng Tháp	Phòng 005	KTCS
436	HCM.26.1.CM5333	Võ Thị Lan Uyên	05/04/1993	TP. Đà Nẵng	Phòng 005	KTCS
437	HCM.26.1.CM5343	Lâm Thị Ngọc Vàng	01/01/1992	TP. Cần Thơ	Phòng 006	KTCS

Phòng 006- Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
438	HCM.26.1.CM5355	Nguyễn Thị Anh Vân	13/02/1983	Đồng Tháp	Phòng 006	KTCS
439	HCM.26.1.CM5363	Huỳnh Thị Thủy Vân	18/03/1982	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
440	HCM.26.1.CM5371	Nguyễn Thị Cẩm Vân	08/01/1978	Vĩnh Long	Phòng 006	KTCS
441	HCM.26.1.CM5394	Nguyễn Thị Vân	18/02/1994	Thanh Hóa	Phòng 006	KTCS
442	HCM.26.1.CM5396	Vũ Thị Hồng Vân	24/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
443	HCM.26.1.CM5420	Phạm Thị Tường Vi	21/11/1999	Đồng Tháp	Phòng 006	KTCS
444	HCM.26.1.CM5438	Lê Hoàng Việt	20/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
445	HCM.26.1.CM5441	Nguyễn Thị Việt	20/04/1990	Nghệ An	Phòng 006	KTCS
446	HCM.26.1.CM5442	Trần Đình Việt	21/09/1998	Gia Lai	Phòng 006	KTCS
447	HCM.26.1.CM5443	Lê Đình Việt	04/06/1992	TP. Đà Nẵng	Phòng 006	KTCS
448	HCM.26.1.CM5447	Phạm Quốc Việt	11/07/1997	Ninh Bình	Phòng 006	KTCS
449	HCM.26.1.CM5449	Vũ Xuân Việt	23/03/1999	Ninh Bình	Phòng 006	KTCS
450	HCM.26.1.CM5451	Lê Hoàng Vinh	07/09/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
451	HCM.26.1.CM5455	Đặng Mậu Thành Vinh	13/09/1980	Gia Lai	Phòng 006	KTCS
452	HCM.26.1.CM5461	Hồ Đình Vinh	08/10/1993	Nghệ An	Phòng 006	KTCS
453	HCM.26.1.CM5466	Nguyễn Ngọc Vinh	05/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
454	HCM.26.1.CM5475	Dương Thế Vinh	20/10/1999	Tây Ninh	Phòng 006	KTCS
455	HCM.26.1.CM5492	Lý Hoàng Thái Vũ	08/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
456	HCM.26.1.CM5496	Nguyễn Hoàng Vũ	26/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
457	HCM.26.1.CM5500	Nguyễn Văn Vũ	20/09/1987	Thanh Hóa	Phòng 006	KTCS
458	HCM.26.1.CM5521	Vũ Thị Vui	03/03/1988	Hung Yên	Phòng 006	KTCS
459	HCM.26.1.CM5531	Hồ Vương	01/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
460	HCM.26.1.CM5535	Đỗ Đức Vương	27/07/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
461	HCM.26.1.CM5545	Nguyễn Thị Tuyết Vy	11/04/1992	Vĩnh Long	Phòng 006	KTCS
462	HCM.26.1.CM5562	Bùi Thanh Vy	08/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
463	HCM.26.1.CM5564	Đình Bảo Vy	07/12/2004	Lâm Đồng	Phòng 006	KTCS
464	HCM.26.1.CM5568	Lê Thị Diệp Vy	02/02/1992	Quảng Ngãi	Phòng 006	KTCS
465	HCM.26.1.CM5569	Lưu Thị Thuý Vy	23/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006	KTCS
466	HCM.26.1.CM5585	Lê Thị Xoan	20/04/1978	Nghệ An	Phòng 006	KTCS
467	HCM.26.1.CM5618	Lê Thị Huỳnh Ý	06/08/2004	Đồng Tháp	Phòng 006	KTCS
468	HCM.26.1.CM5627	Đình Thị Yên	16/06/1987	Khánh Hòa	Phòng 006	KTCS
469	HCM.26.1.CM5629	Quách Thị Yên	20/04/1989	Cà Mau	Phòng 006	KTCS
470	HCM.26.1.CM5637	Chu Thị Hải Yên	15/05/2003	Đồng Tháp	Phòng 006	KTCS
471	HCM.26.1.CM5650	Hà Thị Hải Yên	01/06/1979	Thanh Hóa	Phòng 006	KTCS
472	HCM.26.1.CM5652	Mạnh Thị Hoàng Yên	12/11/1990	Đồng Nai	Phòng 006	KTCS
473	HCM.26.1.CM5655	Nguyễn Việt Yên	07/07/1998	Quảng Ngãi	Phòng 006	KTCS
474	HCM.26.1.CM5661	Dương Như Ý	18/04/1994	TP. Cần Thơ	Phòng 006	KTCS
Phòng 007- Ca thi: 12 giờ 30 - 14 giờ 30						
475	HCM.26.1.CM0745	Phùng Thái Dương	12/04/1994	TP. Cần Thơ	Phòng 007	KTCM
476	HCM.26.1.CM1464	Lê Trọng Hòa	09/07/1973	Nghệ An	Phòng 007	KTCM
477	HCM.26.1.CM1607	Nguyễn Quốc Hùng	03/12/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
478	HCM.26.1.CM2256	Trần Thị Thùy Linh	08/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
479	HCM.26.1.CM2280	Nguyễn Thị Loan	07/12/1986	Thanh Hóa	Phòng 007	KTCM
480	HCM.26.1.CM2315	Nguyễn Duy Long	01/05/1973	TP. Huế	Phòng 007	KTCM
481	HCM.26.1.CM2375	Hồ Thanh Luân	09/11/1990	An Giang	Phòng 007	KTCM

482	HCM.26.1.CM2449	Nguyễn Thị Ly	05/02/1993	Quảng Ngãi	Phòng 007	KTCM
483	HCM.26.1.CM2451	Bùi Thị Kim Lý	02/10/1999	Lâm Đồng	Phòng 007	KTCM
484	HCM.26.1.CM2529	Trần Thị Miên	04/04/1994	Hà Tĩnh	Phòng 007	KTCM
485	HCM.26.1.CM2711	Nguyễn Thị Kim Ngân	11/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
486	HCM.26.1.CM2753	Nguyễn Yến Ngân	24/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
487	HCM.26.1.CM2781	Võ Hiếu Nghĩa	31/10/1979	Vĩnh Long	Phòng 007	KTCM
488	HCM.26.1.CM2821	Cao Thị Kim Ngọc	01/01/1997	TP. Cần Thơ	Phòng 007	KTCM
489	HCM.26.1.CM2986	Huỳnh Trung Nhân	20/10/2000	TP. Cần Thơ	Phòng 007	KTCM
490	HCM.26.1.CM4049	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
491	HCM.26.1.CM4346	Trần Thị Minh Thu	03/10/1986	TP. Hải Phòng	Phòng 007	KTCM
492	HCM.26.1.CM5269	Bùi Thị Ngọc Tuyết	20/07/1982	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007	KTCM
493	HCM.26.1.CM5393	Nguyễn Thị Thùy Vân	12/03/1986	Gia Lai	Phòng 007	KTCM